

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 18
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 79/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18 – 11 – 2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Lý

2. Ông Lục Kim Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương Giang – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Khu vực 18, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 18 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 18, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 424/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2025, về việc: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 343/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Ngô Văn Giã, sinh năm: 1962; địa chỉ: Số nhà 1049 Đại lộ Bình Dương, khu phố Hiệp An 9, phường Chánh Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Bà Hà Thị Thanh, sinh năm: 1973; địa chỉ: Số nhà 138/8, tổ 8, khu phố 4, phường Hòa Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 18/9/2025, bản tự khai đề ngày 31/10/2025, nguyên đơn ông Ngô Văn Giã trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Hà Thị Thanh chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 đến năm 2000, không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Từ năm 2000 đến nay, ông bà xảy ra nhiều mâu thuẫn nên không còn chung sống. Nay ông Giã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Hà Thị Thanh.

Về con chung: Thời gian chung sống ông và bà Thanh có một con chung là Ngô Hà Thanh Tuấn, sinh năm: 1999. Hiện con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 30/10/2025, bị đơn bà Hà Thị Thanh trình bày: Bà và ông Giả chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian chung sống giữa bà và ông Giả xảy ra nhiều bất đồng nên đã không chung sống từ hơn 10 năm nay, không ai thực hiện quyền, nghĩa vụ chung vợ chồng. Nay ông Giả yêu cầu ly hôn, bà đồng ý.

Về con chung: Thời gian chung sống bà và ông Giả có một con chung là Ngô Hà Thanh Tuấn, sinh năm: 1999, như ông Giả trình bày. Hiện con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Tại văn bản số 387/UBND-NC ngày 15/9/2025 của Ủy ban nhân dân phường Chánh Hiệp – Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp: Qua kiểm tra dữ liệu hộ tịch điện tử, sổ đăng ký kết hôn năm 1996, 1997 của Ủy ban nhân dân phường Định Hòa (nay thuộc phường Chánh Hiệp), không tìm thấy thông tin nên không cấp trích lục bản sao Giấy chứng nhận kết hôn của ông Ngô Văn Giả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa tuy nhiên có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ông Giả và bà Thanh chung sống như vợ chồng từ năm 1997, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có con chung và có tài sản chung nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Công văn số 387/UBND-NC ngày 15/9/2025 của Ủy ban nhân dân phường Chánh Hiệp – Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận không tìm thấy thông tin đăng ký kết hôn của ông Ngô Văn Giả tại địa phương. Như vậy, đủ căn cứ xác định ông Giả và bà Thanh chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997, đến nay chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định:

“Điều 11. Đăng ký kết hôn

1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền (sau đây gọi là cơ quan đăng ký kết hôn) thực hiện theo nghi thức quy định tại Điều 14 của Luật này.

Mọi nghi thức kết hôn không theo quy định tại Điều 14 của Luật này đều không có giá trị pháp lý.

Nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng.”

Mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ – QH10 ngày 09/6/2000, về việc thi hành luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“3. Việc áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 11 của Luật này được thực hiện như sau:

a) Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

b) Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.

Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng”.

Do đó ông Giã yêu cầu ly hôn, áp dụng khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ – QH10 ngày 09/6/2000, về việc thi hành luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Giã và bà Thanh.

[3] Về con chung: Ông Giã và bà Thanh có 01 con chung là Ngô Hà Thanh Tuấn, sinh năm: 1999. Con chung đã thành niên và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản: Không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nghĩa vụ tài sản: Đương sự tự khai không có nợ chung, nợ riêng, không đề nghị xem xét nên không giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Giã phải chịu án phí theo quy định, được miễn do có đơn đề nghị miễn nộp tạm ứng án phí, án phí, được Tòa án chấp nhận do thuộc đối tượng người cao tuổi, quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 11

Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ – QH10 ngày 09/6/2000, về việc thi hành luật Hôn nhân và gia đình;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Văn Giả, về việc “Ly hôn”, với bị đơn bà Hà Thị Thanh.

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Ngô Văn Giả và bà Hà Thị Thanh.

2. Về nuôi con chung: Con chung Ngô Hà Thanh Tuấn đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét.

3. Về tài sản: Các đương sự không tranh chấp nên không giải quyết.

4. Về nghĩa vụ tài sản: Đương sự khai không có, không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Ông Giả phải chịu án phí theo quy định nhưng được miễn do có đơn đề nghị miễn nộp tạm ứng án phí, án phí, được Tòa án chấp nhận do thuộc đối tượng người cao tuổi, quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

6. Nguyên đơn, bị đơn được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được cấp, tổng đạt hoặc được niêm yết theo quy định.

7. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (Văn bản hợp nhất số: 32/VBHN-VPQH ngày 07/12/2020).

Nơi nhận:

- TANDTp.HCM;
- VKSNDTp.HCM;
- VKSND KV.18, Tp.HCM;
- Phòng THADS KV.18, Tp.HCM;
- UBND P. Chánh Hiệp, Tp.HCM (khi có hiệu lực PL);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Nga

